

Số: 49

Ngày 16/12/2019

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

- 1. Tăng tuổi nghỉ hưu lên 62 tuổi đối với lao động nam và 60 tuổi đối với lao động nữ.*
- 2. Từ ngày 01/7/2020 xóa nợ tiền chậm nộp đối với người nộp thuế đã nộp đơn yêu cầu phá sản.*
- 3. Từ 01/7/2021, thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội.*
- 4. Bộ Tài chính xác định nguồn lực để đẩy mạnh thực hiện lộ trình di dời trụ*

sở các bộ, ngành ra ngoài trung tâm đô thị.

5. Thủ tướng yêu cầu Bộ Y tế xử lý kịp thời các tai biến nặng sau tiêm chủng

6. Thay thế một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường thủy nội địa.

7. Các sản phẩm sữa tươi sử dụng trong Chương trình Sữa học đường phải bảo đảm đủ 21 vi chất dinh dưỡng.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

- 1. Sàng lọc trước sinh là gì?*
- 2. Sàng lọc sơ sinh là gì?*
- 3. Tư vấn, sàng lọc, chuẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh dựa trên những nguyên tắc nào?*
- 4. Trường hợp phải chấm dứt thai kỳ với lý do dị tật bào thai được quy định như thế nào?*

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. TĂNG TUỔI NGHỈ HƯU LÊN 62 TUỔI ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG NAM VÀ 60 TUỔI ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG NỮ

Ngày 20/11/2019, Quốc hội đã thông qua Bộ luật Lao động với 17 chương 220 điều quy định tiêu chuẩn lao động; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, tổ chức đại diện người sử dụng lao động trong quan hệ lao động và các quan hệ khác liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động; quản lý nhà nước về lao động.

Tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035. Kể từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ; sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam và 04 tháng đối với lao động nữ.

Bộ luật này cũng quy định, người lao động có các quyền sau đây: làm việc; tự do lựa chọn việc làm, nơi làm việc, nghề nghiệp, học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp; không bị phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, quấy rối tình dục tại nơi làm việc; hưởng lương phù hợp với trình độ, kỹ năng nghề trên cơ sở thỏa thuận với người sử dụng lao động; được bảo hộ lao động, làm việc trong điều kiện bảo

đảm về an toàn, vệ sinh lao động; nghỉ theo chế độ, nghỉ hằng năm có hưởng lương và được hưởng phúc lợi tập thể; từ chối làm việc nếu có nguy cơ rõ ràng đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe trong quá trình thực hiện công việc; đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động; đình công ...

Các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực lao động gồm: phân biệt đối xử trong lao động; ngược đãi người lao động, cưỡng bức lao động; quấy rối tình dục tại nơi làm việc; lợi dụng danh nghĩa dạy nghề, tập nghề để trục lợi, bóc lột sức lao động hoặc lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người học nghề, người tập nghề vào hoạt động trái pháp luật; sử dụng lao động chưa qua đào tạo hoặc chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với nghề, công việc phải sử dụng lao động đã được đào tạo hoặc phải có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; lôi kéo, dụ dỗ, hứa hẹn, quảng cáo gian dối hoặc thủ đoạn khác để lừa gạt người lao động hoặc để tuyển dụng người lao động với mục đích mua bán người, bóc lột, cưỡng bức lao động hoặc lợi dụng dịch vụ việc làm, hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để thực hiện hành vi trái pháp luật; cử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật.

Bộ luật này cũng nghiêm cấm người sử dụng lao động không được: giữ bản chính giấy tờ tùy thân, văn bằng, chứng chỉ của người lao động; yêu cầu người lao động phải thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tiền hoặc tài

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

sản khác cho việc thực hiện hợp đồng lao động; buộc người lao động thực hiện hợp đồng lao động để trả nợ cho người sử dụng lao động khi giao kết, thực hiện hợp đồng lao động.

Về vấn đề tiền lương, người sử dụng lao động phải trả lương trực tiếp, đầy đủ, đúng hạn cho người lao động. Trường hợp người lao động không thể nhận lương trực tiếp thì người sử dụng lao động có thể trả lương cho người được người lao động ủy quyền hợp pháp. Người sử dụng lao động trả lương cho người lao động căn cứ vào tiền lương đã thỏa thuận, năng suất lao động và chất lượng thực hiện công việc... Người lao động hưởng lương theo giờ, ngày, tuần thì được trả lương sau giờ, ngày, tuần làm việc hoặc được trả gộp do hai bên thỏa thuận nhưng không quá 15 ngày phải được trả gộp một lần...

Về thời gian làm việc, thời giờ làm việc bình thường không quá 08 giờ trong 01 ngày và không quá 48 giờ trong 01 tuần. Giờ làm việc ban đêm được tính từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau. Số giờ làm thêm của người lao động không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày, số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày, không quá 40 giờ trong 01 tháng. Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 200 giờ trong 01 năm. Về thời gian nghỉ ngơi, người lao động làm việc theo ca được nghỉ ít nhất 12 giờ trước khi chuyển sang ca làm việc khác. Mỗi tuần, người lao động được nghỉ ít

nhất 24 giờ liên tục, nếu ngày nghỉ hằng tuần trùng với ngày nghỉ lễ, tết thì người lao động được nghỉ bù ngày nghỉ hằng tuần vào ngày làm việc kế tiếp.

Theo luật mới người lao động được nghỉ làm việc nhân dịp ngày Quốc khánh (02/9) là 02 ngày.

Người lao động làm việc đủ 12 tháng cho một người sử dụng lao động thì được nghỉ hằng năm, hưởng nguyên lương theo hợp đồng lao động như sau: 12 ngày làm việc đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường; 14 ngày làm việc đối với người lao động chưa thành niên, lao động là người khuyết tật, người làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; 16 ngày làm việc đối với người làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Cứ đủ 05 năm làm việc cho một người sử dụng lao động thì số ngày nghỉ hằng năm của người lao động được tăng thêm 01 ngày.

Người lao động được nghỉ việc riêng mà vẫn hưởng nguyên lương và phải thông báo với người sử dụng lao động trong trường hợp: kết hôn nghỉ 03 ngày; con đẻ, con nuôi kết hôn nghỉ 01 ngày; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi chết nghỉ 03 ngày.

Về chế độ thai sản, lao động nữ được nghỉ thai sản trước và sau khi sinh con là 06 tháng; thời gian nghỉ trước khi sinh không quá 02 tháng.

Trường hợp lao động nữ sinh đôi trở lên thì tính từ con thứ 02 trở đi, cứ mỗi con, người mẹ được nghỉ thêm 01 tháng. Trong thời gian nghỉ thai sản, lao động nữ được hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Thời gian nghỉ việc khi chăm sóc con dưới 07 tuổi ốm đau, khám thai, sảy thai, nạo, hút thai, thai chết lưu, phá thai bệnh lý, thực hiện các biện pháp tránh thai, triệt sản, người lao động được hưởng trợ cấp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội...

Bộ luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021. Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Bộ luật này có hiệu lực.

2. TỪ 01/7/2020 XÓA NỢ TIỀN CHẬM NỘP ĐỐI VỚI NGƯỜI NỘP THUẾ ĐÃ NỘP ĐƠN YÊU CẦU PHÁ SẢN

Ngày 26/11/2019, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 94/2019/QH14 về việc khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách Nhà nước. Cụ thể, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp còn nợ trước ngày 01/7/2020 đối với các đối tượng sau:

Người nộp thuế là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích, có giấy chứng tử, giấy báo tử, quyết định của Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc các giấy tờ thay cho giấy báo tử theo quy định pháp luật; người mất năng lực hành vi dân sự; người nộp thuế có quyết định

giải thể gửi cơ quan quản lý thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh để làm thủ tục giải thể; đã có quyết định giải thể hoặc thông báo của cơ quan đăng ký kinh doanh về việc người nộp thuế đang làm thủ tục giải thể trên hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; người nộp thuế đã nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hoặc đã bị người có quyền, nghĩa vụ liên quan nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản; tòa án có thông báo thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản...

Khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp kể từ ngày 01/7/2020 đối với người nộp thuế đã chết, mất tích, người có quyết định giải thể gửi cơ quan quản lý thuế, người đã nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, người nộp thuế không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý thuế, người đã bị cơ quan quản lý thuế có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi hoặc đã bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Nghị quyết này cũng quy định, Bộ trưởng Bộ Tài chính có thẩm quyền quyết định xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp từ 10 – 15 tỷ đồng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp dưới 05 tỷ đồng...

Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01/7/2020 và được tổ chức thực hiện trong thời hạn 03 năm.

3. TỪ THÁNG 7/2021, THÍ ĐIỂM TỔ CHỨC MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 97/2019/QH14 về việc thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố Hà Nội ngày 27/11/2019. Cụ thể, tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố Hà Nội như sau: Chính quyền địa phương ở Thành phố Hà Nội, huyện, quận, thị xã, xã, thị trấn là cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Chính quyền địa phương ở các phường thuộc quận, thị xã tại Thành phố Hà Nội là Ủy ban nhân dân phường.

Về cơ cấu tổ chức, Ủy ban nhân dân phường gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các công chức khác của phường. Ủy ban nhân dân phường loại I và loại II có không quá 02 Phó Chủ tịch; phường loại III có 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là công chức giữ chức danh lãnh đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân phường.

Việc thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố Hà Nội được thực hiện từ ngày 01/7/2021 cho đến khi Quốc hội quyết định chấm dứt việc thực hiện thí điểm. Chậm nhất là quý IV/2023, Chính phủ phải có báo cáo sơ kết việc thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố Hà Nội trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội xem xét, quyết định.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

4. BỘ TÀI CHÍNH XÁC ĐỊNH NGUỒN LỰC ĐỂ ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN LỘ TRÌNH DI DỜI TRỤ SỞ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH RA NGOÀI TRUNG TÂM ĐÔ THỊ

Ngày 06/12/2019, Chính phủ đã thông qua Nghị quyết 116/NQ-CP về việc ban hành Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 82/2019/QH14 về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai tại đô thị.

Theo đó, Chính phủ giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính xác định nguồn lực để đẩy mạnh thực hiện lộ trình di dời trụ sở các bộ, ngành, cơ sở giáo dục đào tạo, bệnh viện... ra ngoài trung tâm các đô thị theo phương án được phê duyệt.

Bộ Xây dựng rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chuẩn về xây dựng, quy hoạch đô thị; phê duyệt các quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc tại các đô thị, bảo đảm phù hợp với pháp luật về quy hoạch, kiến trúc, làm cơ sở quản lý quy hoạch đô thị và triển khai các dự án đầu tư xây dựng; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các nghị định và thông tư liên quan đến quy hoạch, xây dựng đô thị để giải quyết các vướng mắc, bất cập hiện nay. Hoàn thành trong Quý II năm 2020.

Đặc biệt, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm đăng tải hồ sơ điều chỉnh quy hoạch đô thị trên trang

thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền thẩm định để xin ý kiến cộng đồng cư dân trước khi thẩm định hoặc phê duyệt. Cơ quan có trách nhiệm lập quy hoạch phải công bố, công khai ý kiến đóng góp và việc tiếp thu, giải trình các ý kiến đóng góp này.

Bên cạnh đó, Chính phủ giao nhiệm vụ cho Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng khung giá đất phù hợp với giá thị trường, trình Chính phủ tháng 10/2019. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các Nghị định và Thông tư chi tiết thi hành Luật Đất đai, hoàn thành trong Quý IV/2020. Lập quy hoạch sử dụng đất quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật về đất đai để Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XV.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.

5. THỦ TƯỚNG YÊU CẦU BỘ Y TẾ XỬ LÝ KỊP THỜI CÁC TAI BIẾN NẶNG SAU TIÊM CHỦNG

Trong thời gian qua công tác tiêm chủng ở Việt Nam còn có nhiều bất cập như: Đầu tư của nhà nước và doanh nghiệp cho công tác sản xuất vắc xin chưa đáp ứng nhu cầu. Việc nghiên cứu vắc xin mới, vắc xin phối hợp còn hạn chế, chưa sản xuất được các vắc xin thế hệ mới. Vắc xin sản xuất trong nước chủ yếu là vắc xin đơn giá, các vắc xin phối hợp, vắc xin thế hệ mới phụ thuộc nhiều vào nguồn cung từ nước ngoài trong khi nhu cầu

sử dụng vắc xin phối hợp để phòng được nhiều bệnh cùng lúc ngày càng tăng. Một số trường hợp tai biến nặng sau tiêm chủng chưa được điều tra, kết luận và thông tin kịp thời, đầy đủ đã gây lo lắng cho cộng đồng, bức xúc trong dư luận, tăng thêm áp lực cho cán bộ tiêm chủng, có thể ảnh hưởng tiêu cực đến tỷ lệ tiêm chủng trong khi công tác tuyên truyền vận động về tiêm chủng chưa mang lại hiệu quả tích cực. Để khắc phục những hạn chế trên, ngày 29/11/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 28/CT-TTg về việc tăng cường công tác tiêm chủng.

Theo đó, Thủ tướng yêu cầu Bộ Giáo dục và đào tạo: kiểm tra thông tin về tình trạng tiêm chủng của trẻ trước khi nhập học, nhắc nhở tiêm chủng bù nếu trẻ chưa được tiêm chủng đầy đủ; phối hợp với cơ sở y tế trong triển khai công tác tiêm chủng.

Bên cạnh đó, Thủ tướng cũng yêu cầu Bộ Y tế thực hiện một số công việc sau để bảo đảm, nâng cao chất lượng tiêm chủng: bảo đảm nguồn vắc xin cung ứng cho công tác tiêm chủng; tăng cường tập huấn, hướng dẫn tiêm chủng an toàn, giám sát, xử lý kịp thời các tình huống tai biến nặng sau tiêm chủng; đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý công tác tiêm chủng trên cả nước; tăng thêm các hình thức dịch vụ tiêm chủng, sử dụng thêm nhiều loại vắc xin mới, vắc xin phối hợp...

Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Y tế xây dựng chính

sách, cơ chế khuyến khích và trực tiếp hỗ trợ các cơ sở sản xuất vắc xin trong nước nghiên cứu phát triển, tiếp nhận chuyên gia để làm chủ công nghệ sản xuất vắc xin thế hệ mới, đặc biệt là vắc xin phối hợp đáp ứng nhu cầu

tiêm chủng trong nước, hướng tới xuất khẩu và nâng cao năng lực cho các nhà sản xuất vắc xin trong nước.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành từ ngày 29/11/2019.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

6. THAY THẾ MỘT SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Ngày 04/12/2019, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 2250/QĐ-BGTVT về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020. Thông tư này quy định việc thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

Theo đó, cá nhân có nhu cầu cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (GCNKNCM), chứng chỉ chuyên môn (CCCM) thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa nộp hồ sơ đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải hoặc các cơ sở đào tạo có đủ điều kiện theo quy định. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải hoặc cơ sở đào tạo tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ hợp lệ thì viết giấy hẹn lấy kết quả giải quyết và làm thủ tục xét cấp,

cấp lại, chuyển đổi; nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ. Đối với trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải hoặc cơ sở đào tạo phải có văn bản gửi cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải hoặc cơ sở đào tạo thực hiện xét cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM theo quy định. Lệ phí cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn là 50.000 đồng/giấy, Chứng chỉ chuyên môn là 20.000 đồng/giấy.

7. CÁC SẢN PHẨM SỮA TƯƠI SỬ DỤNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH SỮA HỌC ĐƯỜNG PHẢI BẢO ĐẢM ĐỦ 21 VI CHẤT DINH DƯỠNG

Các sản phẩm sữa tươi sử dụng trong Chương trình Sữa học đường phải bảo đảm đủ 21 vi chất dinh dưỡng là một trong những nội dung chính được Bộ Y tế quy định tại

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

Thông tư số 31/2019/TT-BYT ban hành ngày 05/12/2019 quy định yêu cầu đối với các sản phẩm sữa tươi sử dụng trong Chương trình Sữa học đường (sau đây gọi tắt là Chương trình), có hiệu lực kể từ ngày 20/01/2020.

Theo Thông tư, các sản phẩm sữa tươi sử dụng trong Chương trình bao gồm sữa tươi nguyên chất tiệt trùng và sữa tươi tiệt trùng đáp ứng các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng QCVN 5-1: 2010/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 30/2010/TT-BYT ngày 02/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Bên cạnh đó, các sản phẩm sữa tươi phục vụ Chương trình phải đảm bảo đủ 21 vi chất dinh dưỡng với hàm lượng trung bình trong 100ml sữa như sau: Canxi là 114 – 150 mg; Sắt là 1,4 – 1,9 mg; Vitamin E là 0,35 – 0,5 mg; Vitamin C là 6,4 –

8,4 mg; Vitamin B3 là 1,0 – 1,4 mg; Kẽm là 1,1 – 1,6 mg; Phospho là 76,0 – 100 mg; Magiê là 10,0 – 14,8 mg... Trong đó, riêng vi chất I ốt không đưa ngưỡng tối đa vì hàm lượng Vitamin B2, Biotin đã có sẵn trong sữa ở mức cao và I ốt có sẵn trong sữa dao động theo mùa vụ.

Nguyên liệu đầu vào của sản phẩm sữa tươi sử dụng trong Chương trình phải bảo đảm Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sữa tươi nguyên liệu ban hành kèm theo Thông tư số 29/2017/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Bên cạnh đó, sản phẩm sữa tươi sử dụng trong Chương trình phải được cơ sở sản xuất, kinh doanh công bố sản phẩm trước khi lưu thông trên thị trường và việc ghi nhãn sản phẩm sữa tươi đều phải được thực hiện theo đúng quy định.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUẢN LÝ THUẾ

Xuất phát từ yêu cầu của cải cách hành chính, trong đó có cải cách tài chính công, cải cách thủ tục quản lý thuế hướng tới hoạt động quản lý thống nhất, công khai, minh bạch, đơn giản hóa, dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế để phòng chống trốn thuế, thất thu và nợ đọng thuế. Bộ Tài chính đã

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế bao gồm 9 Chương với 41 Điều. Hiện Dự thảo đang được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và gửi văn bản tới các bộ, ngành có liên quan để lấy ý kiến góp ý hoàn thiện trước khi trình Chính phủ vào Quý I/2020.

Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế áp dụng đối với việc quản lý các loại thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước; trừ nội dung quy

Số 49 ngày 16/12/2019 trang 8/10

định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, áp dụng hoá đơn, chứng từ điện tử, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và hoá đơn, xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.

Theo Dự thảo, sau khi rà soát, đối chiếu, xác định chính xác nghĩa vụ nộp thuế của người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế lập danh sách cá nhân, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thuộc trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh và lập văn bản theo mẫu gửi cơ quan quản lý xuất nhập cảnh đồng thời gửi cho người nộp thuế biết để hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi xuất cảnh. Các trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh bao gồm: cá nhân, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là doanh nghiệp thuộc trường hợp đang bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước

ngoài chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; người Việt Nam định cư ở nước ngoài trước khi xuất cảnh chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

Ngay trong ngày nhận được văn bản tạm hoãn xuất cảnh, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm thực hiện việc tạm hoãn xuất cảnh theo quy định và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh. Trường hợp người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì trong vòng 24 giờ làm việc cơ quan thuế ban hành văn bản giải toả tạm hoãn xuất cảnh gửi cơ quan quản lý xuất nhập cảnh để thực hiện giải toả tạm hoãn xuất cảnh theo quy định. Trường hợp hết thời gian tạm hoãn xuất cảnh mà người nộp thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì trước khi hết thời hạn tạm hoãn xuất cảnh 30 ngày cơ quan quản lý thuế gửi văn bản gia hạn tạm hoãn xuất đến cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, đồng thời gửi người nộp thuế biết.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Sàng lọc trước sinh là gì?

* **Trả lời:** Theo khoản 1, Điều 1 Thông tư số 30/2019/TT-BYT ngày 03/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chuẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh có nêu rõ: Sàng lọc trước sinh là việc sử dụng các kỹ

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

thuật trong thời gian mang thai để phát hiện nguy cơ dị tật bào thai.

2. Hỏi: Sàng lọc sơ sinh là gì?

* **Trả lời:** Theo khoản 2, Điều 1 Thông tư số 30/2019/TT-BYT ngày 03/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 hướng dẫn tư

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

vấn, sàng lọc, chuẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh có nêu rõ: Sàng lọc sơ sinh là việc sử dụng các kỹ thuật để phát hiện trẻ sơ sinh có nguy cơ mắc các bất thường bẩm sinh, các bệnh lý liên quan đến rối loạn nội tiết - chuyển hóa - di truyền nhưng chưa có biểu hiện trên lâm sàng ở giai đoạn sơ sinh.

3. Hỏi: *Tư vấn, sàng lọc, chuẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh dựa trên những nguyên tắc nào?*

* **Trả lời:** Theo Điều 3 Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chuẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh có quy định tư vấn, sàng lọc, chuẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh dựa trên những nguyên tắc sau: chỉ được thực hiện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có giấy phép hoạt động và phạm vi chuyên môn kỹ thuật phù hợp; thực hiện trên tinh thần tự nguyện (trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo quy định tại khoản 2 Điều 97 Luật Hôn nhân và gia đình phải bắt buộc thực hiện); phải được thực hiện trước, trong và sau khi sàng lọc, chuẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.

4. Hỏi: *Trường hợp phải chấm dứt thai kỳ với lý do dị tật bào thai được quy định như thế nào?*

* **Trả lời:** Theo khoản 3, Điều 6 Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chuẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh có quy định về chấm dứt thai kỳ vì lý do dị tật bào thai như sau:

- Chỉ được xem xét khi có bất thường nghiêm trọng về hình thái, cấu trúc của bào thai; có bất thường nhiễm sắc thể, bào thai có bệnh di truyền phân tử do đột biến gen mà chưa có phương pháp điều trị đặc hiệu dẫn đến sau khi sinh có nguy cơ tàn phế cao.

- Khi có sự đồng ý bằng văn bản của phụ nữ mang thai sau khi đã được nhân viên y tế tư vấn đầy đủ.

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có Giấy phép hoạt động và có phạm vi hoạt động chuyên môn kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt về thực hiện các kỹ thuật chấm dứt thai kỳ phải tổ chức hội chẩn các chuyên khoa liên quan để xem xét việc chấm dứt thai kỳ. Thành phần tham gia hội chẩn bao gồm bác sĩ chuyên khoa có ít nhất 5 năm kinh nghiệm thuộc các chuyên ngành: sản khoa, nhi khoa, tim mạch, chẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm và giải phẫu bệnh lý. Các thành viên tham gia hội chẩn có thể thuộc các khoa, phòng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc được mời từ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác.

- Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xem xét, quyết định chấm dứt thai kỳ vì lý do dị tật của bào thai trên cơ sở kết luận sau hội chẩn./.